TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07-5-2026
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hẩn;

Bà Lê Thị Thúy Vân.

- ***Thư ký phiên tòa*:** bà Nguyễn Vương Lệ Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** bà Ngô Trần Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số A đường P, khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh; Số CCCD: 072……..5, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Lê Minh Q, sinh năm 1966; địa chỉ: Số A đường P, khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh; Số CMND: 29……6 do Công an tỉnh T cấp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Phạm Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Lê Minh Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố T (nay là phường

T), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, do ông Q thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng cải nhau, có lần ông Q đánh đập bà, vợ chồng không còn tiếng nói chung, tuy vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm tới ai. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh Q.

Về con chung: Có 02 người: Lê Thị Kim T, sinh năm 2001 và Lê Hoàng P, sinh năm 2006; con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Ngoài ra, bà H không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Mnh Q1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định pháp luật.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Thu H đối với ông Lê Minh Q.

2. Về con chung: Có 02 người: Lê Thị Kim T, sinh năm 2001 và Lê Hoàng P, sinh năm 2006; con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H yêu cầu ly hôn với ông Q và

bị đơn là ông Q có nơi cư trú tại: khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh.

Về thủ tục tố tụng: Bà H và ông Q đã được triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng bà H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt và ông Q vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 338 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông Q theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Q chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T (nay là phường T), tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong đời sống hôn nhân, vợ chồng bà H và ông Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không hòa hợp, ông Q thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng cải nhau, có lần ông Q đánh đập bà, vợ chồng không còn tiếng nói chung, tuy vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm tới ai và ông Q cũng không có thiện chí để hòa giải, hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà H và ông Q ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 02 người: Lê Thị Kim T, sinh năm 2001 và Lê Hoàng P, sinh năm 2006; con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà H trình bày không có nợ ai nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 338 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Q2 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu H về việc ly hôn với ông Lê Minh Q. Bà H được ly hôn với ông Q.

2. Về con chung: Có 02 người: Lê Thị Kim T, sinh năm 2001 và Lê Hoàng P, sinh năm 2006; con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà H trình bày không có nợ ai nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004491 ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về Thời hạn kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND KV10;
- THADS KV10;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu (mã HS 03.D01.149.10.1055747)

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hùng